

PHẦN I. TÁC GIẢ

I. CUỘC ĐỜI

- Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) quê cha ở Thừa Thiên-Huế, nhưng sinh tại quê mẹ là Gia Định (nay là thành phố Hồ Chí Minh). Ông xuất thân trong một gia đình nhà Nho.

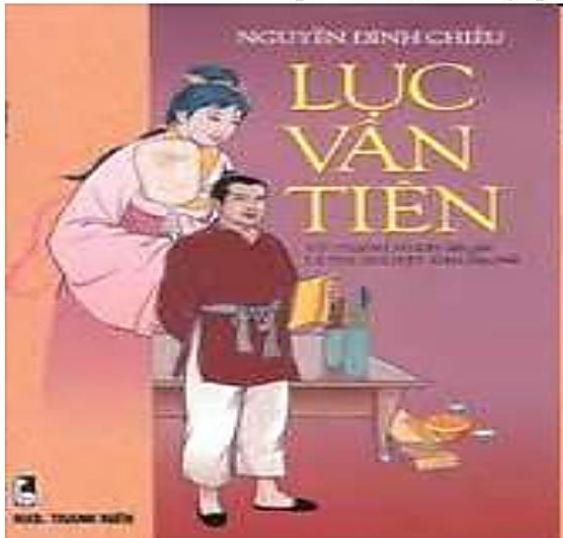
- Cuộc đời gặp nhiều trắc trở, gian truân, nhưng vượt lên nỗi đau, cuộc đời ông là bài học lớn về nghị lực sống, là tấm gương sáng ngời về lòng yêu nước và tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm.



II. SỰ NGHIỆP THƠ VĂN

1. Những tác phẩm chính: Sáng tác chia làm hai giai đoạn

- Trước khi thực dân Pháp xâm lược: *Truyện Lục Vân Tiên, Dương Từ- Hà Mậu*
- Sau khi thực dân Pháp xâm lược: *Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Văn tế Trương Định,*



2. Nội dung thơ văn

- Lí tưởng đạo đức, nhân nghĩa: Tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu thấm nhuần tư tưởng nhân nghĩa của đạo Nho, nhưng đậm đà tính nhân dân và truyền thống dân tộc.

- Lòng yêu nước thương dân: Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu tái hiện chân thực, sinh động một thời đau thương của đất nước; ca ngợi những anh hùng nghĩa sĩ, đã chiến đấu hi sinh vì Tổ quốc; tố cáo tội ác kẻ thù xâm lược...

3. Nghệ thuật thơ văn

- Thơ văn Nguyễn đình Chiểu đậm đà sắc thái Nam Bộ, ngôn ngữ mộc mạc, giản dị,... Bút pháp trữ tình tài hoa đã khắc họa được vẻ đẹp tiềm ẩn của những tầng sâu cảm xúc, suy ngẫm.

- Truyện thơ của ông kết hợp tính cổ điển bác học với tính dân gian, có bút pháp lí tưởng hóa khi khắc họa nhân vật.

PHẦN II. TÁC PHẨM

I. TÌM HIỂU CHUNG.

1. Hoàn cảnh sáng tác

- Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam, nhân dân Nam Bộ vô cùng căm phẫn. Đêm 16-12-1861, những người nông dân nghĩa sĩ đã tập kích đồn ở Cần Giuộc, khoảng 20 người đã hi sinh.

- Theo yêu cầu của Đỗ Quang, tuần phủ Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu đã viết bài văn tế.

2. Thể loại

- Văn tế là một thể loại văn thường gắn với phong tục tang lễ, kể lại cuộc đời, công đức, phẩm hạnh của người đã khuất và bày tỏ nỗi đau thương của người sống trong giờ phút vĩnh biệt.

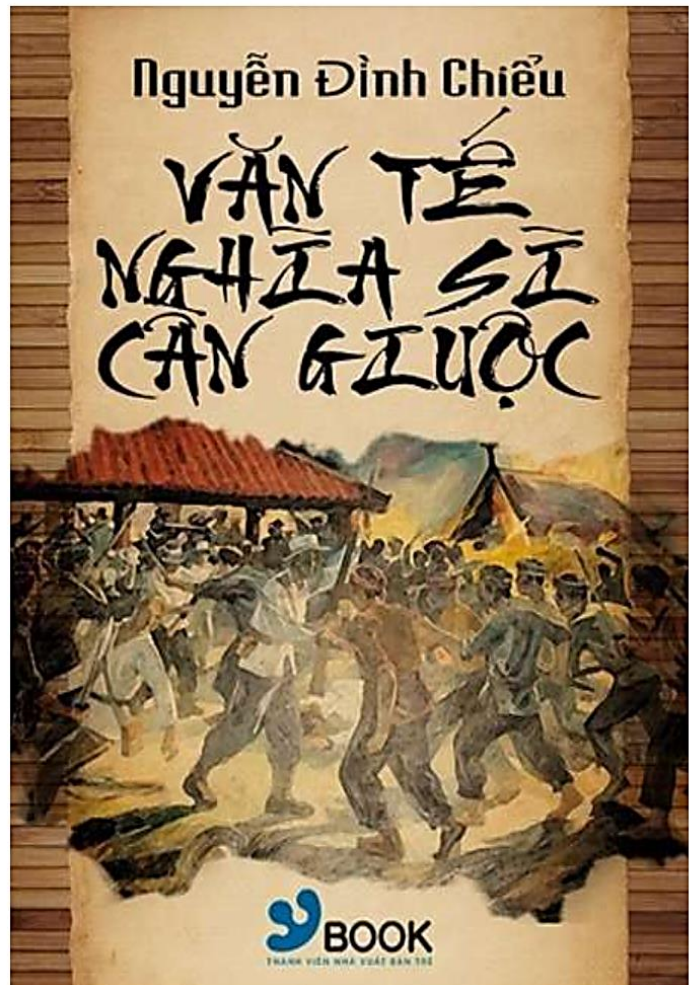
3. Bố cục: 4 phần:

+ Phần 1: Lung khởi (câu 1,2): Khẳng định ý nghĩa cái chết bất tử của những người nông dân nghĩa sĩ.

+ Phần 2: Thích thực (câu 3-15): Tái hiện hình ảnh người nông dân nghĩa sĩ bình thường mà vĩ đại.

+ Phần 3: Ai vãn (câu 16-27): Bày tỏ sự cảm phục của nhân dân dân đối với những người nghĩa sĩ.

+ Phần 4: Kết (hai câu cuối): Ca ngợi linh hồn bất diệt của các nghĩa sĩ.



II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Lung khởi: Khẳng định ý nghĩa cái chết bất tử của những người nghĩa sĩ.

- Câu văn ngắn gọn, nghệ thuật đối đã khái quát bối cảnh bão táp của thời đại, sự tàn bạo của thực dân Pháp.

- Trước thời khắc quan trọng của lịch sử, người dân đã lựa chọn lối sống đạo nghĩa: hi sinh cho đất nước. Sự hi sinh của họ thật cao cả, vĩ đại

2. Thích thực: Hình tượng người nông dân nghĩa sĩ

a. Hoàn cảnh xuất thân

- Từ lối "cui cút" thật gợi hình, gợi cảm, làm hiện lên hình ảnh bé nhỏ, đáng thương của người nông dân âm thầm, lặng lẽ

- Họ vẫn là những người nông dân hiền lành, chất phác, quê mùa tự bao đời nay của một đất nước Việt Nam có nền nông nghiệp lạc hậu. Cuộc sống quanh sau lũy tre làng, với ruộng, với trâu; họ chỉ quen với "việc cuốc, việc cấy, việc bừa, việc cấy". Họ xa lạ với "tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ" chốn sa trường, trận mạc.

->Ước mong lớn nhất của họ chính là cuộc sống yên bình trong một đất nước không có chiến tranh.

b. Lòng căm thù giặc sâu sắc, ý thức về chủ quyền độc lập

- Khi giặc đến, *ban đầu* những người nông dân cũng hồi hộp, lo sợ, họ trông đợi lệnh ở triều đình, nhưng càng chờ đợi ngày càng vô vọng. Chứng kiến tội ác tày trời của giặc, lòng căm thù của họ dâng lên cao độ.

- Họ *ý thức sâu sắc về chủ quyền độc lập* của quốc gia và chính nghĩa của dân tộc, họ *nhận thức được bản chất xâm lược của kẻ thù*.

+ *Tình cảm mãnh liệt, nhận thức sâu sắc, tất cả đã biến thành hành động*: người nông dân tự nguyện đứng lên, vì nghĩa đánh giặc. Họ *ý thức và tự nhận lấy trọng trách lịch sử của mình*.

-> Sự chuyển biến từ bóng tối ra ánh sáng, từ bé nhỏ đến lớn lao, từ bình thường đến phi thường của người nông dân nghĩa sĩ.

c. *Tinh thần xông trận*

- Tự nguyện đứng dậy đánh giặc, những người dân ấp, dân lân *không kịp tập* “mười tám ban võ nghệ”, *không kịp học* “chín chục trận binh thư”. *Trang phục* đơn giản, *vũ khí* trang bị vô cùng thô sơ, đối lập với vũ khí tối tân, hiện đại của thực dân Pháp.

- Họ đã tạo nên *trận công đồn dữ dội, quyết liệt*. Hình ảnh người chiến sĩ nông dân “đạp rào lướt tới”, “xô cửa xông vào”, “kẻ đâm ngang”, “người chém ngược”... khiến giặc Pháp bất ngờ, khiếp sợ, trở tay không kịp. Sự tương phản giữa quân giặc và những người nông dân càng làm nổi bật sức mạnh, sự vĩ đại của những người nông dân nghĩa sĩ.

-> *Bút pháp hiện thực* với những câu văn trải dài ngắt thành nhiều nhịp, vẻ, nghệ thuật đối, nói quá... *vừa phản ánh khí thế của đội quân tình nguyện vừa khắc họa tinh thần của người dân Nam bộ*, rất khảng khái và yêu chuộng chính nghĩa.

3. Ai văn: *Bày tỏ sự tiếc thương, cảm phục đối với nghĩa sĩ*

- Thể hiện niềm xót thương đối với những người nông dân nghĩa sĩ, cảm phục, tự hào sự hi sinh cao cả và trân trọng lễ sống cao đẹp ở họ.

- Khích lệ, động viên những người con sống, tiếp bước những người đi trước

4. Kết: *Ca ngợi linh hồn bất diệt của các nghĩa sĩ*

III. TỔNG KẾT

- Bài “Văn tế...” là tiếng khóc cao cả, thiêng liêng cho một thời kì lịch sử khổ đau của dân tộc, là bức tượng đài bi tráng về người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc đã dũng cảm chiến đấu, hi sinh vì tổ quốc.

- Tác phẩm là thành tựu nghệ thuật xuất sắc về nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật, kết hợp nhuần nhuyễn chất trữ tình và tính hiện thực, ngôn ngữ giản dị, trong sáng, giàu sức biểu cảm.

LINK VIDEO BÀI GIẢNG: <https://youtu.be/fJkfBpqG-g8>

BÀI TẬP CÙNG CÓ, RÈN LUYỆN

Câu 1. Nguyễn Đình Chiểu được biết đến là:

- A. Nhà thơ, nhà văn
- B. Thầy giáo
- C. Thầy thuốc
- D. Cả ba đáp án trên

Câu 2. Nguyễn Đình Chiểu đã dùng *vũ khí* nào để chiến đấu chống lại kẻ thù ?

- A. Gươm

- B. Súng
- C. Ngòi bút
- D. Giáo

Câu 3. Nội dung nào sau đây ít xuất hiện trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu:

- A. Số phận bất hạnh của người phụ nữ
- B. Lí tưởng đạo đức nhân nghĩa
- C. Ca ngợi những anh hùng nghĩa sĩ đã hi sinh vì đất nước
- D. Lên án tội ác của bọn xâm lược

Câu 4. Tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* được viết theo thể loại nào ?

- A. Thơ tự do
- B. Hịch
- C. Văn tế
- D. Truyện ngắn

Câu 5. Vì sao người nông dân nghĩa sĩ lại tập kích đồn Cần Giuộc ?

- A. Vì họ căm thù giặc Pháp sâu sắc
- B. Vì nhận thức được bản chất xâm lược của kẻ thù
- C. Vì nhận thức được chủ quyền độc lập dân tộc và trách nhiệm của mình
- D. Cả ba đáp án trên

Câu 6. Người nông dân nghĩa sĩ dùng *vũ khí* nào tập kích đồn Cần Giuộc ?

- A. Ngọn tầm vông, rơm con cúi, lưỡi dao phay
- B. Ngọn tầm vông, rơm con cúi, lưỡi dao phay, dao tu
- C. Ngọn tầm vông, rơm con cúi, lưỡi dao phay, gươm
- D. Ngọn tầm vông, rơm con cúi, lưỡi dao phay, dao tu, gươm

Câu 7. Nhận xét nào không đúng về tiếng khóc những của tác giả trong bài văn tế ?

- A. Tiếng khóc bi tráng
- B. Tiếng khóc bi lụy
- C. Tiếng khóc đau thương
- D. Tiếng khóc tiếc thương

Câu 8. Qua bài văn tế, tác giả thể hiện tình cảm như thế nào dành cho những người nông dân nghĩa sĩ ?

- A. Thương cảm
- B. Cảm phục
- C. Đau xót
- D. Cả ba đáp án trên

---Hết---

Đáp án: 1-D; 2-C; 3-A; 4-C; 5-D; 6-A; 7-B; 8-D

GV SOẠN: LÊ THỊ KIM NGÂN